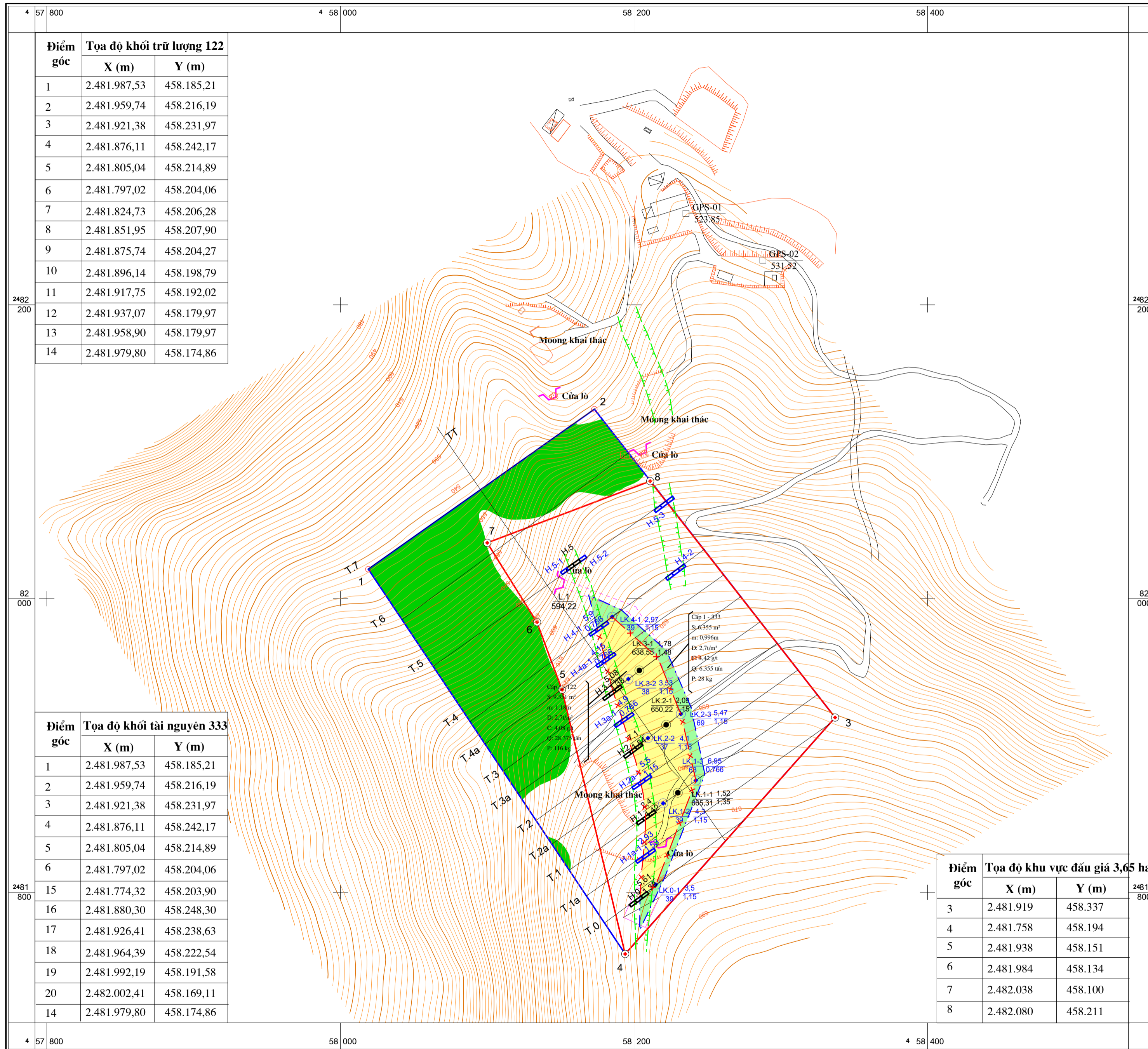


BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TRỪ LƯỢNG MỎ VÀNG GỐC NẬM KHA Á, XÃ MÙ CẢ, TỈNH LAI CHÂU



Điểm góc	Tọa độ khối trừ lượng 122	
	X (m)	Y (m)
1	2.481.987,53	458.185,21
2	2.481.959,74	458.216,19
3	2.481.921,38	458.231,97
4	2.481.876,11	458.242,17
5	2.481.805,04	458.214,89
6	2.481.797,02	458.204,06
7	2.481.824,73	458.206,28
8	2.481.851,95	458.207,90
9	2.481.875,74	458.204,27
10	2.481.896,14	458.198,79
11	2.481.917,75	458.192,02
12	2.481.937,07	458.179,97
13	2.481.958,90	458.179,97
14	2.481.979,80	458.174,86

Điểm góc	Tọa độ khối tài nguyên 333	
	X (m)	Y (m)
1	2.481.987,53	458.185,21
2	2.481.959,74	458.216,19
3	2.481.921,38	458.231,97
4	2.481.876,11	458.242,17
5	2.481.805,04	458.214,89
6	2.481.797,02	458.204,06
15	2.481.774,32	458.203,90
16	2.481.880,30	458.248,30
17	2.481.926,41	458.238,63
18	2.481.964,39	458.222,54
19	2.481.992,19	458.191,58
20	2.482.002,41	458.169,11
14	2.481.979,80	458.174,86

Điểm góc	Tọa độ khu vực dấu giá 3,65 ha	
	X (m)	Y (m)
3	2.481.919	458.337
4	2.481.758	458.194
5	2.481.938	458.151
6	2.481.984	458.134
7	2.482.038	458.100
8	2.482.080	458.211

- ### CHỈ DẪN
- Cấp trừ lượng 122
 - Cấp tài nguyên 333
 - Đới đá biến đổi chứa khoáng hoá: thạch anh hóa (qu), chlorit hoá (cl), sericit hoá (src).
 - Đứt gãy dự đoán
 - 45 Thể nằm của đá và vụn
 - Ranh giới địa chất: xác định (a); dự đoán (b)
 - Ranh giới thạch học xác định (a); dự đoán (b)
 - Tập đánh dấu
 - H.1
a Hào cũ và số hiệu khoáng
 - H.4-1 Hào thi công và số hiệu khoáng
 - L.1
594,22 Lò cũ $\frac{\text{số hiệu}}{\text{độ cao (m)}}$
 - L.K.1-1
665,31 Lỗ khoan cũ $\frac{\text{số hiệu}}{\text{độ cao (m)}}$
 - L.K.1-3
63,0 Lỗ khoan thi công $\frac{\text{số hiệu}}{\text{Chiều sâu (m)}}$
 - Diện tích thuộc quy hoạch rừng sản xuất có rừng tự nhiên
 - Diện tích thăm dò 5,8 ha
 - Diện tích lựa chọn để dấu giá 3,65 ha

